

THUYẾT MINH PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

I. Tình hình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023

Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên chuyển đổi số năm 2023 được UBND tỉnh ban hành tại Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 25/4/2023 về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh năm 2023. Trên cơ sở Kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bố trí tổng số tiền 67.766,709 triệu đồng¹ từ nguồn kinh phí sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị và địa phương để thực hiện 42 nhiệm vụ (trong đó: nguồn kinh phí sự nghiệp Trung ương bổ sung có mục tiêu 2.000 triệu đồng; Kinh phí sự nghiệp địa phương bố trí 65.766,709 triệu đồng); quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan thường trực) và các đơn vị chủ trì nhiệm vụ rà soát, đánh giá, giám sát chặt chẽ nhằm kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc và thực hiện điều chỉnh danh mục, quy mô, kinh phí để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; cơ quan thường trực tham mưu là Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc và thường xuyên phối hợp với các đơn vị xem xét, đánh giá và thảo luận đề đề xuất các ngành bổ sung/loại bỏ các chức năng, tính năng, nội dung chi chưa phù hợp, thực hiện đánh giá lại khả năng ứng dụng từ phía đối tượng thụ hưởng để xem xét việc tạm dừng nhiệm vụ. Về kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện

1.1. Tiến độ thực hiện

Đến hết năm 2023, có 18/42 nhiệm vụ hoàn thành 100% khối lượng công việc; 03/42 nhiệm vụ dừng thực hiện; 01/42 nhiệm vụ không thực hiện được; 20/42 nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2024 tiếp tục thực hiện, cụ thể như sau:

- 18 nhiệm vụ hoàn thành gồm có:

- (1) Đầu tư thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Hội trường tỉnh;
- (2) Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội

¹ Tổng kinh phí đã bố trí để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số là 67.766,709 triệu đồng, trong đó: Bố trí 4.000 triệu đồng trong dự toán đầu năm cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND; Phân bổ 2.000 triệu đồng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư từ nguồn ngân sách bổ sung có mục tiêu để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND; Bố trí 60.864,4 triệu đồng cho các đơn vị, địa phương tại Quyết định số 773/QĐ-UBND; Bố trí 902,309 triệu đồng cho Sở Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1715/QĐ-UBND.

ngiht truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã; (3) Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh; (4) Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các Hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh; (5) Duy trì hoạt động diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm; (6) Cơ sở dữ liệu về thông tin phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; (7) Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI) tỉnh Bắc Kạn; (8) Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn; (9) Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công Thương; (10) Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn; (11) Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn; (12) Xây dựng và triển khai hệ thống Quản lý giáo dục nghề nghiệp - đào tạo nghề tỉnh Bắc Kạn; (13) Mua máy tính phục vụ chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường; (14) Mua máy tính và máy scan cho Bộ phận "Một cửa" cấp xã; (15) Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn”; (16) Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; (17) Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực (Đề án 146); (18) Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn.

- 03 nhiệm vụ đã dừng thực hiện gồm có:

(1) Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*Lý do: Năm 2023, qua việc triển khai hoạt động tập huấn, tuyên truyền về chuyển đổi số cho các chủ thể OCOP của Sở Thông tin và Truyền thông và hoạt động hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông nhận thấy, mức độ quan tâm người dân, doanh nghiệp của tỉnh với chuyển đổi số chưa cao. Do đó, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất tạm dừng, chưa thực hiện nhiệm vụ này*); (2) Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh (*Lý do: Qua khảo sát cho thấy nhiệm vụ trên, Công an tỉnh, Trung tâm điều hành thông minh của UBND thành phố Bắc Kạn đã lắp đặt hệ thống camera giám sát tại một số ngã ba, ngã tư, vị trí trọng yếu trên một số tuyến đường chính trong khu vực thành phố. Do vậy, để tránh lãng phí ngân sách nhà nước và triển khai thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi số của tỉnh, Sở Giao thông vận tải đề nghị dừng thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình*

thông minh”); (3) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Lý do: Năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã lập xong hồ sơ Đề cương và dự toán chi tiết của nhiệm vụ. Quá trình trao đổi thảo luận khi xây dựng danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 giữa Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan nhận thấy việc triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc là cần thiết, tuy nhiên, do hiện nay, nhận thức và sự quan tâm của người dân, doanh nghiệp cũng như các chủ thể OCOP của tỉnh chưa cao, trong khi việc duy trì hiệu quả của hệ thống phụ thuộc vào doanh nghiệp, chủ thể OCOP sử dụng thường xuyên, cung cấp dữ liệu liên tục và đầy đủ. Bên cạnh đó hiện nay có nhiều giải pháp về truy xuất nguồn gốc đã được ứng dụng thực tế và cho doanh nghiệp, Hợp tác xã thuê dịch vụ theo nhu cầu. Đồng thời, theo Quyết định số 2294/QĐ-BTTTT ngày 21/11/2023 của Bộ TT&TT về sửa đổi, bổ sung Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và PTNT là cơ quan chủ quản triển khai Nền tảng Truy xuất nguồn gốc nông sản. Do đó, UBND tỉnh đề xuất chưa thực hiện nhiệm vụ này trong thời điểm hiện tại, căn cứ tiến độ, phạm vi triển khai của các bộ ngành, UBND tỉnh sẽ ưu tiên triển khai ngay nhiệm vụ này vào thời điểm thích hợp).

- 01 nhiệm vụ không thực hiện được: Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ chuyển đổi số (Lý do: Với điều kiện là tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên khi xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ hằng năm, tỉnh đều quy định mức hỗ trợ của nhà nước ở mức tối đa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tích cực tổ chức triển khai, tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến hết năm 2023, do hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là các doanh nghiệp siêu nhỏ, các doanh nghiệp xây dựng cơ bản nên không có nhu cầu tham gia chương trình. Do đó, đến hết năm 2023, chưa thực hiện được việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nào).

- 20 nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2024 tiếp tục thực hiện gồm có:

(1) Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh; (2) Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh; (3) Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn; (4) Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; (5) Triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); (6) Thuê hệ thống

Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh; (7) Triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn; (8) Triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông; (9) Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Y tế; (10) Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo (thuộc nhiệm vụ triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh); (11) Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Lao động Thương binh Xã hội (giai đoạn 1); (12) Cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với công thông tin điện tử của Sở Xây dựng (hoàn thiện, cập nhật); (13) Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn; (14) Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn; (15) Hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn; (16) Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; (17) Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch; (18) Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, Hệ thống thông tin báo cáo và Hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến người dân tỉnh Bắc Kạn; (19) Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn; (20) Xây dựng nền tảng dùng chung ngành Nội vụ.

1.2. Kết quả giải ngân

Số kinh phí giải ngân của các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023 là 26.622.164.095 đồng (*đạt tỷ lệ 39,29% kinh phí cấp năm 2023*), số kinh phí chưa giải ngân là 41.144.544.905 đồng (*chiếm 60,71% kinh phí cấp năm 2023*). Đối với số kinh phí chưa giải ngân ngoại trừ kinh phí của một số nhiệm vụ đã được xem xét, đồng ý chuyển nhiệm vụ thì toàn bộ số kinh phí còn lại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi về ngân sách cấp tỉnh.

(Chi tiết theo Biểu CDS - 01 đính kèm)

2. Đánh giá hiệu quả ứng dụng của một số hệ thống, phần mềm đã hoàn thành

Với 18 nhiệm vụ đã hoàn thành, nếu phân nhóm theo thời gian hoàn thành và đưa vào sử dụng, có 07 nhiệm vụ mới hoàn thành và mới đưa vào sử dụng dưới 1 năm; có 11 nhiệm vụ đã được sử dụng trên 1 năm. Ngày 28/12/2023, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 8826/UBND-VXNV về việc rà soát, đánh giá và đảm bảo hiệu quả triển khai các nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả triển khai các nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số do đơn vị được giao chủ trì triển khai và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp. Qua báo cáo của 1 số đơn vị đã gửi, nhìn chung, các đơn vị đều đánh giá các hệ thống, phần mềm đã hoàn thành đều cần thiết, đáp ứng và mang lại hiệu quả cho cơ quan quản lý, cho các cơ

quan, đơn vị có liên quan và cho người dân, doanh nghiệp có nhu cầu khai thác thông tin.

* Với các nhiệm vụ mới hoàn thành và mới đưa vào sử dụng dưới 1 năm (như: Hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu về Công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn, cơ sở dữ liệu ngành Công Thương tỉnh Bắc Kạn, hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI) của tỉnh, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh) đã tạo lập hệ thống thu thập số liệu, số hóa nghiệp vụ quản lý, theo dõi, xử lý công việc, tạo lập cơ sở dữ liệu (CSDL) và công cụ giúp quản lý thông tin, tra cứu dữ liệu một cách khoa học, nhanh chóng góp phần quan trọng trong việc tham mưu, hoạch định chính sách, đáp ứng nhu cầu thông tin, dữ liệu của người dân, doanh nghiệp.

Hoạt động “Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã” đã trang bị đồng bộ thiết bị cần thiết để người dân đến giao dịch tại bộ phận 1 cửa được hướng dẫn, hỗ trợ và thực hiện việc nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, quét chụp được các loại giấy tờ nhỏ như chứng minh thư/căn cước công dân, các loại văn bằng, chứng chỉ, thẻ... một cách nhanh chóng. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

“Hoạt động diễn tập thực chiến” lần đầu được triển khai đã giúp thành viên đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh, cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh được tập huấn, huấn luyện và trải nghiệm các cuộc diễn tập tấn công - phòng thủ trên các hệ thống thật của tỉnh; qua đó, nâng cao khả năng, tính chủ động ứng phó trong trường hợp hệ thống tại đơn vị gặp các sự cố tấn công mạng.

* Với các nhiệm vụ được sử dụng trên 1 năm: Là các hệ thống thông tin/ CSDL đã được đầu tư/thuê dịch vụ từ các năm trước, duy trì sử dụng trong năm 2023 (như: Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục; Phần mềm QLTT cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; Hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống HNTHTT đang sử dụng hiện nay đến cấp xã, Hệ thống phần mềm quản lý Giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn, Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn), trong đó, có phần mềm được đơn vị chủ trì đánh giá hiệu quả tốt như:

- Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn: Hệ thống được triển khai từ năm 2021 tại 283/283 cơ sở giáo dục của tỉnh, cơ sở dữ liệu được lấy tự động từ hệ thống phần mềm quản lý trường học, giúp các cơ sở giáo dục thực hiện

đánh giá chất lượng giáo dục hoàn toàn trực tuyến, nhờ đó, giảm bớt 70% thời gian thực hiện so với làm thủ công như trước, giảm kinh phí in ấn, không cần nộp bản giấy cho các cơ quan quản lý theo quy định.... Hệ thống giúp cơ quan quản lý (Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT) dễ dàng theo dõi, hỗ trợ, thống kê, báo cáo và thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục hoàn toàn trực tuyến, minh bạch, công khai và đảm bảo khách quan, rút ngắn được nhiều thời gian đánh giá, giảm bớt thời gian nghiên cứu, khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục;

- Hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến: Được đưa vào sử dụng từ tháng 01/2022. Hàng năm, có trung bình khoảng 80 cuộc họp trực tuyến được tổ chức (bao gồm các cuộc họp kết nối từ trung ương đến địa phương và các cuộc họp trong tỉnh). Các cuộc họp đã diễn ra được kết nối thông suốt và đảm bảo chất lượng hình ảnh, âm thanh, góp phần quan trọng vào công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh, giúp tiết kiệm kinh phí, thời gian tham dự họp cho các đơn vị, địa phương.

Bên cạnh đó, một số hệ thống do được triển khai từ lâu nên phát sinh một số yêu cầu sử dụng chưa đáp ứng như: Phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ do Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông ký hợp đồng thuê dịch vụ CNTT với VNPT Bắc Kạn trong thời gian 5 năm, từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2024. Từ khi đưa vào sử dụng, hệ thống cập nhật thông tin hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Hợp đồng. Tuy nhiên, phần mềm được triển khai theo Quyết định số 4233/QĐ-BNV ngày 30/11/2016 của Bộ Nội vụ với 89 trường thông tin, trong khi theo thiết kế của cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Quyết định số 893/QĐ-TTg, ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước thì hệ thống cần quản lý 109 trường thông tin. Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn” được phê duyệt năm 2020 và hệ thống Cổng Thông tin du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn địa chỉ: <http://dulich.backan.gov.vn> và <http://tourism.backan.gov.vn> được chính thức khai trương đi vào hoạt động từ tháng 11/2021. Cho đến nay, hệ thống đã tạo lập, số hóa nhiều thông tin dữ liệu về cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng, cơ sở dịch vụ ăn uống, điểm tham quan du lịch, điểm dịch vụ giải trí, tiện ích, thông tin khuyến mãi, công ty lữ hành du lịch Nhờ việc tích hợp bản đồ số du lịch Bắc Kạn trên ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động, du khách có thể tự tìm câu trả lời cho những thắc mắc của

mình trong suốt chuyến đi, từ việc tra cứu các thông tin du lịch cơ bản, các sự kiện đang và sắp diễn ra, lịch xe khách tới việc kết nối du khách với các nhà hàng, khách sạn, siêu thị, trung tâm thương mại, văn hóa, thể thao, giải trí... Đồng thời, ứng dụng còn có thể hỗ trợ du khách bằng cách cảnh báo về: Tình trạng giao thông, vùng cảnh báo an ninh trật tự, vùng cảnh báo dịch bệnh... (*Tổng số lượt truy cập tra cứu thông tin trên hệ thống: 1.620.000 lượt*). Tuy nhiên, qua rà soát, đánh giá, các thông tin, dữ liệu trên Cổng còn tương đối ít, chưa phong phú, đa dạng về lượng thông tin dẫn đến chưa thu hút được nhiều lượng người truy cập; chưa có nhiều tính năng thông minh mang tính tương tác cao để tăng cường sự kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước, người dân, du khách và doanh nghiệp.

Hạn chế, khó khăn cơ bản của một số hệ thống, phần mềm đã triển khai là: Việc tạo lập dữ liệu chưa kịp thời, đầy đủ, bao gồm từ phía các cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu chưa đáp ứng nhu cầu; một số chức năng thiết kế chưa thật sự khoa học, phù hợp nên thao tác người dùng còn khó khăn; chưa đáp ứng một số quy định, hướng dẫn, yêu cầu, công nghệ mới hiện nay. Do đó, các đơn vị quản lý đã chủ động rà soát, đề xuất nâng cấp/xây dựng mới các hệ thống khác đáp ứng công nghệ, quy định mới và nhu cầu kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu hiện nay.

3. Mục tiêu, nguyên tắc đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số mới năm 2024

3.1. Mục tiêu

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng dùng chung (*bao gồm: Hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng, phần mềm dùng chung, an toàn thông tin*) để đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các đơn vị, địa phương trong tỉnh và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Phát triển dữ liệu số; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và từng bước hình thành công dân số, xã hội số của tỉnh gắn với công tác đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số.

- Năm 2024, tỉnh tập trung ưu tiên các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân, doanh nghiệp; phục vụ công tác

giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; hoạt động cải cách hành chính; hạ tầng dùng chung, an toàn thông tin và Đề án 06 (*Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*) trên địa bàn tỉnh; các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số chuyển tiếp từ năm 2023; các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của các ngành, lĩnh vực.

3.2. Nguyên tắc đề xuất nhiệm vụ chuyển đổi số mới thực hiện năm 2024

Trên cơ sở Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, trong năm 2024, UBND tỉnh xác định mục tiêu xuyên suốt trong quá trình chỉ đạo, triển khai các hoạt động chuyển đổi số là lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trên các ngành, lĩnh vực phải có trọng tâm, trọng điểm, không triển khai dàn trải để đảm bảo hiệu quả, tránh gây lãng phí ngân sách tỉnh.

Qua công tác tổng hợp nhu cầu đăng ký triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 từ các đơn vị, địa phương và trên cơ sở định hướng chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương và tham mưu, đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh lựa chọn danh mục nhiệm vụ, chuyển đổi số năm 2024 dựa trên nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

- Ưu tiên số 1 cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp; phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; hoạt động cải cách hành chính; hạ tầng dùng chung, an toàn thông tin và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên số 2 cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số chuyển tiếp từ năm 2023 sang (Các nhiệm vụ này đã được thông qua tại kỳ họp 16, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026).

- Ưu tiên số 3 cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của các ngành, lĩnh vực; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Danh mục, sự cần thiết và tác động của từng nhiệm vụ chuyển đổi số mới đề xuất thực hiện năm 2024

Trên cơ sở nguyên tắc lựa chọn và thứ tự ưu tiên nêu tại mục 3.2, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất triển khai thêm 09 nhiệm vụ chuyển đổi số mới trong năm 2024, việc triển khai 09 nhiệm vụ chuyển đổi số mới năm 2024 là thật sự cần thiết, góp phần từng bước hoàn thiện hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin của tỉnh, tạo lập các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trực tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cải cách hành chính và thực hiện tốt Đề án 06; giúp kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành và nâng cao điểm số trong đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chỉ số chuyển đổi số của tỉnh (DTI).

(Chi tiết danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số mới theo Biểu CDS - 02 đính kèm)

5. Phương án phân bổ

Các nhiệm vụ chuyển đổi số mới đề xuất triển khai thực hiện trong năm 2024 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trên cơ sở nhu cầu của từng nhiệm vụ, khả năng cân đối của nguồn ngân sách và hình thức triển khai của từng nhiệm vụ để bố trí kinh phí, cụ thể:

- Đối với những nhiệm vụ triển khai theo hình thức thuê dịch vụ: Kinh phí đề xuất bố trí trên cơ sở lấy tổng dự toán thực hiện nhiệm vụ chia cho số năm trong thời gian thực hiện, riêng đối với nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông (*Dịch vụ thu thập, phân tích và quản trị đảm bảo an toàn thông tin*) đề xuất bố trí kinh phí theo đề nghị của đơn vị để thực hiện bước công việc lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê trong năm 2024, thực hiện thuê dịch vụ từ năm 2025 để đảm bảo đồng bộ với 02 nhiệm vụ thực hiện trong năm 2024 là “*Trung tâm giám sát và điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)*” và “*Giải pháp phòng chống mã độc tập trung*”;

- Đối với những nhiệm vụ triển khai theo hình thức đầu tư mới:

+ Bố trí 100% nhu cầu kinh phí để triển khai nhiệm vụ “*Mua sắm máy tính, máy in, máy scan phục vụ triển khai Đề án 06*”;

+ Đối với 02 nhiệm vụ: “*Đào tạo phục vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06*” của Công an tỉnh và “*Nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại*” của Sở Công Thương đề xuất bố trí theo nhu cầu và kế hoạch đào tạo của các đơn vị;

+ Đối với nhiệm vụ: “*Triển khai ứng dụng Công dân số Bắc Kạn*” của Sở Thông tin và Truyền thông: Đề xuất bố trí kinh phí theo đề nghị của đơn vị để thực

hiện bước lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ trong năm 2024, triển khai thực hiện từ năm 2025 để đảm bảo đồng bộ với nhiệm vụ “*Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh*” đang triển khai thực hiện trong năm 2024 (*kho dữ liệu nhằm cung cấp đủ thông tin, dữ liệu cho ứng dụng Công dân số Bắc Kạn hoạt động hiệu quả*).

+ Đối với các nhiệm vụ còn lại gồm: “*Chuyển đổi hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường sang Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh*” của Sở Tài nguyên và Môi trường; “*Hệ thống quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản*” của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất bố trí tương ứng 60% tổng dự toán nhiệm vụ.

Thực hiện theo nguyên tắc phân bổ trình bày nêu trên, tổng kinh phí đề nghị phân bổ và giao cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số mới là 17.652.400.000 đồng (*Mười bảy tỷ, sáu trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*), từ nguồn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2024.

- Phương án đề xuất phân bổ có sự thay đổi số kinh phí thực hiện so với Báo cáo gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy là do phương án phân bổ tại Văn bản số 16-CV/BCSĐ ngày 09/01/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh cơ bản dựa trên số đề xuất của các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong phạm vi khả năng ngân sách, chưa xem xét đến hình thức triển khai thực hiện của từng nhiệm vụ (*Đầu tư mới, thuê dịch vụ*), còn đối với phương án phân bổ trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đưa ra các nguyên tắc chung để làm cơ sở phân bổ đảm bảo công bằng giữa các cơ quan đơn vị, phù hợp với thực tiễn triển khai và vẫn đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

6. Nguồn kinh phí phân bổ

Tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND nguồn kinh phí chi thường xuyên chưa phân bổ chi tiết là 139.569 triệu đồng. Tại Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024 đã giao chi tiết nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số là từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế, với nhu cầu kinh phí được xác định khi áp dụng nguyên tắc phân bổ nêu tại mục 5 là 17.652,4 triệu đồng thì nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành tại thời điểm trình HĐND tỉnh đảm bảo khả năng cân đối, bố trí để triển khai thực hiện.

(Chi tiết kinh phí phân bổ theo Biểu CDS - 03 đính kèm)

**THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH
PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2021, 2022 ĐÃ THU HỒI VỀ
NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bắc Kạn về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bắc Kạn; căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ tại Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND; căn cứ số liệu thống kê: quy mô dân số (số hộ dân); số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã, số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, lực lượng lao động đủ 15 tuổi trở lên; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi; tiêu chí xác định huyện nghèo; huyện miền núi, vùng cao do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp để làm cơ sở phân bổ kinh phí cho các dự án, tiểu dự án. Cụ thể:

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình năm năm 2021, 2022 đã thu hồi về ngân sách tỉnh:

Tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 6 về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030” có nêu: “Cho phép số vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (bao gồm cả vốn năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2022) chưa thực hiện giải ngân hết trong năm 2023 được kéo dài thực hiện sang năm 2024 để các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục triển khai thực hiện...”.

Qua rà soát quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giảm nghèo bền vững năm 2021, năm 2022 đã thu hồi về kết dư ngân sách tỉnh là 1.663,391169 triệu đồng (Trong đó: Dự án 2 - Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo là 74,15099 triệu đồng; Tiểu dự án 1, Dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất là 1.589,240179 triệu đồng).

Số kinh phí thu hồi nêu trên đã được Sở Tài chính thực hiện thủ tục chuyển nguồn ngân sách sang năm 2024 và dự kiến phương án phân bổ lại cho các đơn vị, địa phương.

Đối với bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh đối ứng kinh phí thực hiện Chương trình năm 2021, 2022 đã thu hồi về ngân sách tỉnh để phân bổ lại: Ngân sách tỉnh năm 2021², 2022³ đã bố trí kinh phí đối ứng đảm bảo không thấp hơn kinh phí đối ứng tối thiểu 3% theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, do đó không phải tiếp tục bố trí kinh phí đối ứng.

2. Về phương án phân bổ

Đảm bảo mức vốn và tiêu chí phân bổ theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 và Nghị quyết số 18/2022/NQ - HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tổng kinh phí sự nghiệp phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị, địa phương 1.663,391169 triệu đồng, trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh: 158,9 triệu đồng.
- Giao dự toán cho UBND các huyện, thành phố: 1.504,491169 triệu đồng.

(Chi tiết nguồn kinh phí phân bổ và giao dự toán theo Biểu GNBV - 01 đính kèm)

3. Phương pháp tính và xác định vốn phân bổ

3.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Tổng nguồn vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện dự án 2 là 74,15099 triệu đồng. Theo khoản 1, Điều 7, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phân bổ 100% cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 2 theo Biểu GNBV - 1.1 đính kèm)

3.2. Tiểu dự án 1, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

² Kinh phí thực hiện Chương trình năm 2021 phân bổ tại Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh là 5.510 triệu đồng (trong đó: NSTW 2.310 triệu đồng; NS tỉnh từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2020 chuyển sang năm 2021: 3.200 triệu đồng). Kinh phí đã quyết toán năm 2022 là: 2.729,5 triệu đồng (trong đó: NSTW: 651,4 triệu đồng, NS tỉnh: 2.141,1 triệu đồng). Kinh phí NSTW đã thu hồi về NS cấp tỉnh được chuyển nguồn sang năm 2024: 1.658,6 triệu đồng.

³ Kinh phí thực hiện Chương trình năm 2022 đã cho Huyện Ba Bể để thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo 1.695 triệu đồng (trong đó: NSTW 1.645 triệu đồng, NS tỉnh 50 triệu đồng). Kinh phí đã quyết toán năm 2022: 105,4 triệu đồng (trong đó: NSTW 85,4 triệu đồng, NS tỉnh 20 triệu đồng). Kinh phí NSTW đã chuyển nguồn tại ngân sách cấp huyện là 1.585 triệu đồng (trong đó NSTW 1.555 triệu đồng, NS tỉnh 30 triệu đồng); Kinh phí NSTW đã thu hồi về NS cấp tỉnh được chuyển nguồn sang năm 2024 là 4,6 triệu đồng.

=> Theo đó, kinh phí NS tỉnh đã đối ứng đảm bảo không thấp hơn kinh phí đối ứng tối thiểu 3% theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng nguồn vốn trung ương hỗ trợ để thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 là 1.589,240179 triệu đồng.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 8, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh 158,9 triệu đồng

Căn cứ khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: Phân bổ cho các địa phương 1.430,340179 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Tiểu dự án 1 Dự án 3 theo Biểu GNBV - 1.2 đính kèm).

**Thuyết minh phương án phân bổ lại cho các địa phương để thực hiện dự án
hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi năm 2024**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

1. Về nguồn kinh phí phân bổ lại

Trong các năm 2022-2023, thực hiện nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình), UBND tỉnh đã phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị, địa phương thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 của Chương trình theo danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tính đến thời điểm hết ngày 31/01/2024, theo báo cáo của các địa phương, có một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã kết thúc dự án, hết nhu cầu chi, còn dư kinh phí (bao gồm cả nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2023 và nguồn năm 2023) với tổng số tiền là 15.106.826.000 đồng (gồm: Ngân sách trung ương là 12.940.943.000 đồng, ngân sách địa phương đối ứng là 2.165.883.000 đồng), Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi số kinh phí còn dư này về ngân sách cấp tỉnh, đồng thời phối hợp với Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn thực hiện thủ tục chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023, Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV.

2. Về phương án phân bổ lại

Ngày 23/10/2023, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn kinh phí của Chương trình, trong đó quy định nguồn vốn của Tiểu dự án 2, Dự án 3 thực hiện phân bổ cho các địa phương theo tiêu chí chấm điểm.

Theo đó, căn cứ các tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND, tổng số kinh phí phân bổ lại là 15.106.826.000 đồng, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ lại cho các địa phương theo Biểu VĐBDTTS-01 đính kèm.

Để tiếp tục sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, tạo điều kiện cho các địa phương có nguồn lực để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất mới và các

dự án chuyển tiếp đang trong chu kỳ sản xuất của năm 2024, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ lại cho các địa phương để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 của Chương trình năm 2024, với số tiền là 15.106.826.000 đồng (*Mười năm tỷ một trăm linh sáu triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

**THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH
PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC
GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022, NĂM 2023 ĐÃ THU
HỒI VỀ NGÂN SÁCH TỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

1. Nguồn kinh phí phân bổ

Trong các năm 2022-2023, thực hiện nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Chương trình), UBND tỉnh đã phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình.

Tính đến thời điểm hết ngày 31/01/2024, theo báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương, có một số nhiệm vụ chi thuộc các nội dung thành phần thực hiện Chương trình đã hết nhiệm vụ chi, còn dư kinh phí (bao gồm cả nguồn năm 2022 chuyển sang năm 2023 và nguồn năm 2023) với tổng số tiền là **5.607,871 triệu đồng** (gồm: NSTW là 5.354,471 triệu đồng, NSĐP đối ứng là 253,4 triệu đồng). Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi số kinh phí còn dư này về ngân sách cấp tỉnh, đồng thời phối hợp với Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn thực hiện thủ tục chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023, Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV.

2. Về phương án phân bổ

2.1. Phương án phân bổ

Trên cơ sở rà soát nhu cầu vốn theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nguồn vốn được phân bổ tuân thủ theo nguyên tắc quy định tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo phù hợp với nội dung, định mức theo quy định hiện hành và đáp ứng mục tiêu nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024. Để tiếp tục sử dụng có hiệu quả nguồn vốn được trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị, địa phương để thực hiện Chương trình, với số tiền là 2.198 triệu đồng (ngân sách trung ương: 2.177 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng 21 triệu đồng), trong đó:

- Phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh: 573 triệu đồng.

- Giao dự toán cho UBND các huyện, thành phố: 1.625 triệu đồng.
(Chi tiết phân bổ và giao dự toán theo Biểu CT NTM – 01, 02 đính kèm)

2.2. Nội dung ưu tiên phân bổ

a) Phân bổ theo thứ tự ưu tiên tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ theo cấp tỉnh, huyện

- Phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền **625 triệu đồng** thực hiện tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở;

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn: Thực hiện hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp **30 triệu đồng** (trong đó phân bổ NSTW 28 triệu đồng, NSDP đối ứng 2 triệu đồng để đảm bảo theo đúng quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại tiêu mục 1, I, Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh);

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn **570 triệu đồng** thực hiện nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;

- Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng- xanh-sạch-đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn: Thực hiện nội dung giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu **400 triệu đồng** (trong đó phân bổ NSTW 286 triệu đồng, NSDP đối ứng 14 triệu đồng để đảm bảo theo đúng quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định tại tiêu mục 3, III, Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh);

- Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hoạt động chính quyền cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới **325 triệu đồng** thực hiện hỗ trợ triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã;

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng nông thôn mới, thực hiện phong trào cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới **248 triệu đồng** thực hiện đào tạo nâng cao

năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng.

b. Phân bổ theo thứ tự ưu tiên cho các huyện, xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2024:

- Huyện phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025: 410 triệu đồng.
 - Xã trong lộ trình bố trí là 1.625 triệu đồng để thực hiện một số hoạt động đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và củng cố các chỉ tiêu, tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn, cụ thể:

+ Huyện Chợ Mới: Hỗ trợ xã Như Cô, Bình Văn 325 triệu đồng thực hiện sửa chữa, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh xã; 90 triệu đồng cho xã Thanh Thịnh thực hiện hỗ trợ trang thiết bị hoạt động tại các thiết chế văn hoá các thôn Khuổi Nhàu, Bản Cò, Bản Chàng.

+ Huyện Chợ Đồn: Hỗ trợ xã Đồng Thắng, Quảng Bạch, Phương Viên sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh 150 triệu đồng; hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao Nhà văn hóa xã Yên Thượng, Nghĩa Tá 160 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng mô hình thôn, xóm sáng-xanh-sạch-đẹp tại xã Nghĩa Tá 100 triệu đồng.

+ Huyện Na Rì: Hỗ trợ 300 triệu đồng xây dựng mô hình thôn, xóm sáng- xanh-sạch-đẹp tại các thôn, xã thực hiện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; hỗ trợ 80 triệu đồng mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao Nhà văn hóa xã Xuân Dương.

+ Huyện Pác Nặm: Hỗ trợ 240 triệu đồng thực hiện hỗ trợ trang thiết bị hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao các xã trong lộ trình xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Bộc Bô, Giáo Hiệu, Nhạn Môn).

+ Thành phố Bắc Kạn: Hỗ trợ xã Dương Quang 150 triệu đồng sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã; 30 triệu đồng hỗ trợ chi cấp mã vùng trồng nguyên liệu tập trung.

- Ngoài ra các đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mô hình, triển khai các nội dung hướng tới mục tiêu hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí thực hiện nông thôn mới năm 2024:

+ Sở Nội vụ: Bổ sung kinh phí 325 triệu đồng cho 03 lớp bồi dưỡng công chức Tư pháp hộ tịch; địa chính-nông nghiệp-xây dựng và môi trường; văn hóa -xã hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch xã thực hiện theo Kế hoạch số 424/KH-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Bổ sung 248 triệu đồng thực hiện tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp xã, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng để các địa

phương hoàn thành chỉ tiêu 13.5, tiêu chí số 13 Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, có tổ khuyến nông hoạt động hiệu quả.

3. Kinh phí còn lại chưa phân bổ

- Nguồn kinh phí còn lại chưa phân bổ là 3.409,871 triệu đồng (ngân sách trung ương 3.177,471 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng 232,4 triệu đồng).

- Giải pháp: Đối với nguồn kinh phí chưa phân bổ tại kỳ họp này, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì Chương trình cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát các nhiệm vụ phù hợp với quy định sử dụng nguồn vốn để đề xuất phân bổ kinh phí; Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ và giao dự toán tại kỳ họp gần nhất theo quy định.

THUYẾT MINH

PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH 62/2019/NĐ-CP NGÀY 11/7/2019 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

I. Nguồn kinh phí phân bổ

Kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2022 đã chuyển nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022 sang năm 2023 là 15.621 triệu đồng. Năm 2023, HĐND đã quyết định phân bổ là 11.991,3 triệu đồng (*Trong đó: Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 phân bổ 10.401 triệu đồng; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 phân bổ 1.590,3 triệu đồng*). Kinh phí còn lại chưa phân bổ là 3.629,7 triệu đồng.

Do thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 không đạt dự toán giao⁴ nên đã sử dụng số kinh phí chưa phân bổ nêu trên để bù đắp hụt thu⁵ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 là 515,4 triệu đồng (sau khi bù trừ số kinh phí đã thu hồi về ngân sách tỉnh⁶).

Sau khi bù đắp hụt thu, nguồn kinh phí bảo vệ và phát triển đất trồng lúa còn lại chuyển sang năm 2024 là 3.114,3 triệu đồng.

II. Phương án phân bổ

1. Quá trình triển khai rà soát nhu cầu kinh phí.

Trên cơ sở nguồn kinh phí còn dư, các cơ quan chuyên môn của tỉnh (Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương liên quan) rà soát nhu cầu, thẩm định, tổng hợp dự toán thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Theo số liệu tổng hợp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất nhu cầu kinh phí gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ và 03 đơn vị: huyện Pác Nặm, huyện Chợ Đồn, huyện Ngân Sơn (05 đơn vị cấp huyện còn lại không có nhu cầu); nội dung đề xuất phân bổ kinh phí bao gồm: cấp giấy chứng nhận hữu cơ cho diện tích trồng lúa đã chuyển đổi năm 2023 và thực hiện các mô hình áp dụng kỹ thuật sản xuất lúa hữu cơ; tổng dự toán kinh phí đề xuất phân bổ là 3.542 triệu đồng.

⁴ Dự toán thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 là 6.500 triệu đồng, kết quả thực hiện năm 2023 là 4.698,4 triệu đồng.

⁵ Kinh phí cân bố trí để bù đắp hụt thu là: $6.500 - 4.698,4 - 1.286,2 = 515,4$ triệu đồng.

⁶ Kinh phí thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 đã thu hồi về ngân sách tỉnh là 1.286,2 triệu đồng, (trong đó: thu hồi tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 là 986,2 triệu đồng; thu hồi tại Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 là 300 triệu đồng).

Trên cơ sở phương án phân bổ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất; căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 1, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ và khoản 2, Điều 1, Thông tư 02/2023/TT-BTC ngày 06/01/2023 của Bộ Tài chính, Sở Tài chính đã thẩm định, xin ý kiến các đơn vị, địa phương và hoàn thiện phương án phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2024 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, số kinh phí phân bổ là 3.114,3 triệu đồng (giảm 427,7 triệu đồng chủ yếu giảm kinh phí tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật).

2. Phương án phân bổ và giao dự toán

Phương án phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2024 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ như sau:

- Tổng kinh phí phân bổ và giao dự toán: 3.114,3 triệu đồng, trong đó:
- + Phân bổ kinh phí cho đơn vị cấp tỉnh: 775 triệu đồng.
- + Giao dự toán cho UBND các huyện: 2.339,3 triệu đồng.

Nguồn kinh phí phân bổ: Từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2023 chuyển sang năm 2024.

(Chi tiết phương án phân bổ theo Biểu ĐTL-01 đính kèm)

Thuyết minh phân bổ kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội và chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế
(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh)

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định: Số 162/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 về việc phê duyệt kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ năm 2024; số 262/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 về việc phê duyệt kinh phí giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/01/2024; số 261/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 về việc phê duyệt kinh phí giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ đối với đối tượng tinh giản biên chế đợt nghỉ 01/02/2024, cụ thể:

a. Về đối tượng:

Tổng số đối tượng được hỗ trợ kinh phí là 09 người, trong đó:

- + Đối tượng được hỗ trợ kinh phí theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP: 01 người.
- + Đối tượng được hỗ trợ kinh phí theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP: 08 người.

b. Về kinh phí:

Tổng kinh phí thực hiện chi trả chính sách là 1.250,818 triệu đồng, cụ thể:

- Kinh phí thực hiện chi trả chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ đợt nghỉ ngày 01/01/2024 là 98,514 triệu đồng, bao gồm:

+ UBND thành phố Bắc Kạn: 98,514 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chi trả chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ đợt nghỉ ngày 01/01/2024 và đợt nghỉ ngày 01/02/2024 (phần ngân sách tỉnh cấp bổ sung) là 1.152,304 triệu đồng, bao gồm:

+ UBND huyện Chợ Đồn: 160,124 triệu đồng.

+ UBND huyện Na Rì: 336,358 triệu đồng.

+ UBND thành phố Bắc Kạn: 134,108 triệu đồng

+ UBND huyện Chợ Mới: 137,808 triệu đồng

+ Ban Dân tộc tỉnh: 177,311 triệu đồng.

+ Ban quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể: 206,595

c. Nguồn kinh phí phân bổ: Từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh năm 2024.

**THUYẾT MINH PHÂN BỔ KINH PHÍ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ .../2024/NQ-HĐND QUY ĐỊNH CHỨC DANH,
MỨC PHỤ CẤP, KIÊM NHIỆM NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG
CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ, TỔ NHÂN
DÂN, TIỂU KHU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

(Kèm theo Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 26s/02/2024 của UBND tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2023);

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày /3/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn Quy định chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (sau đây viết tắt là Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND) (dự kiến sẽ được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 17 HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 -2026);

Trên các cơ sở quy định của Chính phủ tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, quy định của HĐND tỉnh tại Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND, Sở Tài chính đã chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ rà soát, tổng hợp nguồn và nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết của các huyện, thành phố như sau:

- Kinh phí đã bố trí trong dự toán năm 2024 là 143.737 triệu đồng.
- Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị quyết năm 2024 là 173.425 triệu đồng.
- Kinh phí còn thiếu đề nghị bổ sung từ ngân sách tỉnh là 29.688 triệu đồng (đã làm tròn số).

Để kịp thời chi trả phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, cấp thôn và hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn tổ năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, sau khi tính toán, cân đối các nguồn kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện Nghị quyết số .../2024/NQ-HĐND năm 2024 cho các đơn vị, địa phương với số tiền 29.688 triệu đồng từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh.

(Chi tiết theo Biểu số PCKN-01 kèm theo)./.